

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-QLXDCT

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2021

V/v thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 25/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn V/v Thẩm định điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (kèm theo hồ sơ khảo sát, thiết kế điều chỉnh bổ sung dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 Về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; ; Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 267/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 Phê duyệt dự toán chi phí một số khoản mục chi phí chuẩn bị đầu tư (phần bổ sung); Quyết định số 2587/QĐ-

UBND ngày 29/12/2020 Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư gửi kèm theo tờ trình thẩm định của chủ đầu tư,

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung Dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, Cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

6. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Thủy Công.

7. Mục tiêu của dự án: Chống, ngăn chặn sạt lở tiếp diễn, giữ ổn định cho tuyến bờ sông; bảo vệ đất đai, tài sản của nhân dân trong khu vực; bảo vệ tuyến đường giao thông, đảm bảo an toàn đê điều; hoàn thiện tuyến đường cứu hộ cứu nạn kết hợp đường giao thông nông thôn đoạn từ khu chợ Cơ Khí đến cầu Chũ (Cầu Nam Dương), góp phần ổn định an sinh, phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực; tạo cảnh quan môi trường, tạo điều kiện để khai thác phát triển quỹ đất phía bờ sông theo định hướng quy hoạch đô thị Chũ đã được phê duyệt.

8. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng (Theo Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang):

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng và thông số kỹ thuật chủ yếu:

Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam bằng giải pháp xây dựng tuyến kè kết hợp đường cứu hộ cứu nạn (trong đó đoạn 2 dài 130m đã được đầu tư đường bê tông).

- Tổng chiều dài các tuyến: 987,96 m (Đoạn 1: Kè hữu sông Lục Nam từ vị trí cách chân cầu Chũ 790m về phía thượng lưu đến vị trí cách cầu Chũ 70m về phía hạ lưu dài 857,96m; Đoạn 2: kè bờ hữu suối Cát tương ứng từ cọc H5 đến Cọc 13 của tuyến đường nối với đường cứu hộ cứu nạn dài 130m).

- Thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

a) Đoạn 1:

+ Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè +2,0m; chiều rộng xếp rọ thép lõi đá 3,0m.

+ Thân kè: Hệ số mái kè $m=2,0$; từ cọc C41÷CT bố trí cơ kè rộng 2,2m (tính cả chiều rộng 2 mặt dầm), cao trình đỉnh cơ +6,6; trên tuyến bố trí 03 bậc lên xuống rộng 1,5m; bố trí ống thoát nước PVC D50, 1,5m/cái trên mái kè; đầu và cuối tuyến vuốt

nổi tuyến kè hiện trạng.

+ Đỉnh kè: Cao trình đỉnh tường kè +7,43m (đầu và cuối tuyến vượt nối với tường kè hiện trạng); đường cứu hộ cứu nạn kết hợp đường giao thông nông thôn: cao độ đỉnh mặt đường +7,5, mặt bê tông rộng 6,5m, lề một bên rộng 1,5m (đầu và cuối tuyến vượt nối với đường hiện trạng); dọc tuyến đường bố trí rãnh thoát nước hình thang (kích thước: $b \times h \times m = 0,3 \times 0,3 \times 1,0$); Phía trên tường đỉnh kè bố trí lan can thép.

+ Công trình thoát nước trên tuyến kè: Cống hộp tại K0+396,55 khẩu độ $b \times h = 1,0 \times 1,0$ m; cống hộp tại K0+760 khẩu độ $b \times h = 2,0 \times 3,0$; cống tròn tại K0+857,96 khẩu độ D500.

+ Công trình phụ trợ: Đê quây kết hợp đường thi công chiều rộng mặt $b = 4,0$, mái $m = 1,5$, cao trình đỉnh +2,6m.

b) Đoạn 2:

+ Chân kè: Sử dụng tường chắn BTCT kết hợp xếp rọ đá, đá học tăng cường ổn định và chống xói (Cao trình đỉnh tường +2,5m; cao trình đáy đặt móng -1,5m; móng tường: rộng 3,0m, dày 0,8m; chiều cao tường 3,2m; thân tường bố trí hàng ống thoát nước PVC D50, mật độ 2m/ống; chiều rộng phần xếp rọ thép lõi đá 6,0m).

+ Thân kè: Hệ số mái kè $m = 1,5$; bố trí cơ kè rộng 2,2m (tính cả chiều rộng 2 mặt dầm), cao trình đỉnh cơ +6,5; trên tuyến bố trí 01 bậc lên xuống rộng 1,5m; bố trí ống thoát nước PVC D50, 1,5m/cái trên mái kè.

+ Đỉnh kè: Cao trình đỉnh tường kè +10,7m; bố trí lan can thép trên đỉnh tường kè.

+ Công trình phụ trợ: Đắp đê quây và dẫn dòng bằng ống thép D500.

8.2. Giải pháp thiết kế cơ sở:

a) Đoạn 1:

- Chân kè: Xếp 2 lớp rọ thép lõi đá, kích thước mỗi rọ đá $2,0 \times 1,0 \times 0,5$ m (riêng đoạn kè từ cọc C38 ÷ CT gia cố 3 lớp rọ thép lõi đá).

- Thân kè:

+ Dầm chân, tường đỉnh kè liên kết với dầm dọc, ngang BTCT M250# tạo khung chia ô mái kè; trong khung chia ô mái kè xếp đá khan chít mạch dày 30cm, phía dưới rải lớp đá dăm 1x2 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật (riêng đoạn từ cọc C38 ÷ CT lớp vải địa kỹ thuật được thay bằng lớp cát lọc dày 10cm).

+ Bậc lên xuống: Bản bậc và bậc BT M200#.

+ Đất đắp $k = 0,95$.

- Đỉnh kè:

+ Tường đỉnh kè BTCT M250#; lan can đỉnh tường kè bằng thép ống, thép hộp mạ kẽm.

+ Đường cứu hộ cứu nạn kết hợp đường giao thông nông thôn: bê tông mặt M300# dày 23cm, phía dưới theo thứ tự bố trí lớp giấy dầu phân cách, cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm, đất cấp phối độ chặt $k = 0,98$ dày 30cm, đất đắp $k = 0,95$; dọc chiều dài mặt đê bê tông bố trí khe giãn (50m/khe) rộng 2,0 cm, 6cm phía trên chèn nhựa đường, 17cm phía dưới đệm gỗ và khe co (5m/khe) rộng 0,3cm, sâu 6cm; Rãnh thoát nước dọc BT M200#.

- Công trình trên tuyến:

+ Công hộp tại K0+396,55: Thân công, dốc nước và bề tiêu năng BTCT M250#; xung quanh bề tiêu năng xếp rọ thép lõi đá.

+ Công hộp tại K0+760: Nền gia cố bằng cọc BTCT M300#; thân công và bề tiêu năng BTCT M250#; xung quanh bề tiêu năng xếp rọ thép lõi đá.

+ Công tròn tại K0+857,96: nối dài công cũ bằng ống công BTCT đúc sẵn; dốc nước BTCT M250#; cuối dốc nước bố trí rọ thép lõi đá.

- Công trình phụ trợ: Đê quai kết hợp đường thi công đắp đất độ chặt K=0,9; mặt đường thi công giải lớp đất cấp 3 dày 20cm; đắp đất thung trũng gằm cầu Nam Dương phía trong kè k=0,85.

b) Đoạn 2:

- Chân kè: Tường chắn BTCT M250#, móng tường liên kết với nền đá bằng neo thép $\phi 20$; xếp 2 lớp rọ thép lõi đá (kích thước: 2,0mx1,0mx0,5m), đắp bù móng bằng đá học tăng cường ổn định và chống xói.

- Thân kè:

+ Dầm chân, tường đỉnh kè liên kết với dầm dọc, ngang BTCT M250# tạo khung chia ô mái kè; trong khung chia ô mái kè xếp đá khan chít mạch dày 30cm, phía dưới rải lớp đá dăm 1x2 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật.

+ Bậc lên xuống: Bản bậc và bậc BT M200#.

- Đỉnh kè: Tường đỉnh kè BTCT M250#; lan can đỉnh tường kè bằng thép ống, thép hộp mạ kẽm.

- Công trình phụ trợ: Đắp đê quai độ chặt K=0,9.

9. Giá trị tổng mức đầu tư: 48.170.493.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, một trăm bảy mươi triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng:	10.817.205.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	28.437.800.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	667.513.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.729.224.000 đồng
- Chi phí khác:	779.127.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	5.739.624.000 đồng

10. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019: 40.000.000.000 đồng

- Vốn ngân sách huyện: 8.170.493.000 đồng.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2021.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ ÁN:

1. Lý do:

Điều chỉnh, bổ sung dự án theo Văn bản số 4835/UBND-XD ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sử dụng kinh phí kết dư để thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung dự án:

2.1. Bổ sung thiết kế cơ sở :

2.1.1. Quy mô và thông số kỹ thuật chủ yếu:

Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam bằng giải pháp xây dựng tuyến kè kết hợp đường cứu hộ cứu nạn đoạn từ K1+420 đến K1+670 với chiều dài 250 m (vị trí đầu tuyến kè cách chân cầu Chũ mới khoảng 50m về phía hạ lưu).

(Do không đảm bảo đủ nguồn kinh phí kết dư trong dự án để thực hiện đầu tư tuyến kè dài 290m theo chủ trương đầu tư tại văn bản số 4835/UBND-XD ngày 01/11/2020, vì vậy chủ đầu tư đề xuất thực hiện đầu tư tuyến kè với chiều dài 250m)

- Thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

+ Chân kè (khối lăng thể phản áp kết hợp rọ thép lõi đá): Cao trình đỉnh chân kè +2,0m; chiều rộng đỉnh cơ b=5,0m; hệ số mái khối lăng thể phản áp m=2,5.

+ Thân kè: Hệ số mái kè m=2,0; chiều rộng cơ b=2,2m (tính cả chiều rộng 2 mặt dầm); bố trí 01 bậc lên xuống rộng 1,5m; cao trình đỉnh cơ +6,5; bố trí ống thoát nước PVC D50, 1,5m/cái trên mái kè.

+ Đỉnh kè: Cao trình đỉnh tường kè từ +10,0m đến +15,42m; đường cứu hộ cứu nạn kết hợp đường giao thông nông thôn: cao độ đỉnh mặt đường +10,07m đến +15,49m, mặt bê tông rộng 6,5m, lề một bên rộng 1,5m; dọc tuyến đường bố trí rãnh thoát nước hình thang (kích thước: bxxh=0,3mx0,3mx1,0); Phía trên tường đỉnh kè bố trí lan can thép.

+ Công trình phụ trợ: Dốc thi công chiều dài 25m, chiều rộng mặt đường 4,0m.

2.1.2. Giải pháp thiết kế cơ sở:

- Chân kè: Khối lăng thể phản áp bằng đá hộc thả rời; trên đỉnh mặt cơ và mái khối lăng thể đá hộc thả rời xếp 1 lớp rọ đá (kích thước rọ: axbxh = 2,0x1,0x0,5m).

- Thân kè:

+ Dầm chân, tường đỉnh kè liên kết với dầm dọc, ngang BTCT M250# tạo khung chia ô mái kè; trong khung chia ô mái kè xếp đá khan chít mạch dày 30cm, phía dưới rải lớp đá dăm 1x2 dày 10cm và lớp cát làm tầng lọc.

+ Bậc lên xuống: Bản bậc và bậc BT M200#.

+ Đất đắp k=0,95.

- Đỉnh kè:

+ Tường đỉnh kè BTCT M250#; lan can đỉnh tường kè bằng thép ống, thép hộp mạ kẽm.

+ Đường cứu hộ cứu nạn kết hợp đường giao thông nông thôn: bê tông mặt M300# dày 23cm, phía dưới theo thứ tự bố trí lớp giấy dầu phân cách, cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm, đất cấp phối độ chặt k=0,98 dày 30cm, đất đắp k=0,95; dọc chiều dài mặt đê bê tông bố trí khe giãn (50m/khe) rộng 2,0 cm, 6cm phía trên chèn nhựa đường, 17cm phía dưới đệm gỗ và khe co (5m/khe) rộng 0,3cm, sâu 6cm; Rãnh thoát nước dọc BT M200#.

- Công trình phụ trợ: Đắp đất tận dụng với độ chặt K=0,95.

(Chi tiết theo Bản vẽ TKCS sau điều chỉnh, bổ sung kèm theo).

2.2. Giá trị tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung: 48.170.493.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, một trăm bảy mươi triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng) - Chi tiết như bảng dưới đây.

Nội dung chi phí	TMĐT đã phê duyệt (đồng)	TMĐT sau điều chỉnh, bổ sung (đồng)
- Chi phí GPMB	10.817.205.000	12.417.000.000
- Chi phí xây dựng	28.437.800.000	31.022.532.000
- Chi phí quản lý dự án	667.513.000	721.979.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD	1.729.224.000	2.077.110.000
- Chi phí khác	779.127.000	527.643.000
- Chi phí dự phòng	5.739.624.000	1.404.229.000
Tổng	48.170.493.000	48.170.493.000

2.3. Các nội dung khác: Thực hiện theo nội dung dự án đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang sau điều chỉnh, bổ sung đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo. Đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với tổ chức tư vấn thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh, bổ sung dự án theo kết quả thẩm định.

Trên đây là thông báo của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang về kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung Dự án: Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phượng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận Một cửa Sở;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Nguyễn Văn Dĩnh;
- Lưu VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dĩnh

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

**CÔNG TRÌNH: XỬ LÝ SẠT LỎ BỜ SÔNG LỤC NAM TẠI CÁC XÃ NGHĨA HÒ, QUÝ SƠN MỸ AN, PHƯỢNG SƠN VÀ THỊ TRẦN CHỦ, HUYỆN LỤC
NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số /SNN-QLXDCT ngày /3/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				12.417.000.000		12.417.000.000	Ggpmb
-	Chi phí GPMB thực hiện cho các hạng mục công trình đã được phê duyệt			<i>Có xác nhận của CĐT</i>	8.000.000.000		8.000.000.000	
-	Chi phí GPMB cho hạng mục công trình bổ sung			Có khái toán chi tiết kèm theo	4.417.000.000		4.417.000.000	
II	Chi phí xây dựng				28.202.301.818	2.820.230.182	31.022.532.000	Gxd
-	Chi phí xây dựng theo Hợp đồng xây lắp			<i>Theo HD thi công</i>	20.234.001.818	2.023.400.182	22.257.402.000	Gxd1
-	Chi phí xây dựng hạng mục bổ sung			dự toán chi tiết	7.968.300.000	796.830.000	8.765.130.000	Gxd2
III	Chi phí quản lý dự án	2,56%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	721.978.927		721.979.000	Gqlda
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				1.948.205.845	128.904.015	2.077.110.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT			<i>hồ sơ thanh toán</i>	384.930.909	38.493.091	423.424.000	
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công			<i>hồ sơ thanh toán</i>	430.522.727	43.052.273	473.575.000	
3	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT điều chỉnh, bổ sung			<i>Theo HD tư vấn</i>	127.490.000	12.749.000	140.239.000	
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công phần điều chỉnh, bổ sung	2,089%		Gttxd2 x tỷ lệ %	166.457.787	16.645.779	183.104.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (gói thầu xây lắp đã thực hiện)			<i>Hồ sơ thanh toán</i>	57.870.909	5.787.091	63.658.000	
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng cho hạng mục bổ sung (Thông tư 16/2019/TT-BXD)	0,265%		Gttxd2 x tỷ lệ %	21.115.995	2.111.600	23.228.000	

7	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu (các hạng mục công trình đã được phê duyệt)			Hồ sơ thanh toán	21.440.000		21.440.000	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu hạng mục công trình bổ sung (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Gttxd2 x tỷ lệ%	3.984.150		3.984.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hạng mục công trình bổ sung (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Gttxd2 x tỷ lệ%	3.984.150		3.984.000	
10	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường			Quyết định chỉ định thầu số 2715/QĐ-UBND ngày 18/5/2020	73.379.091	7.337.909	80.717.000	
11	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường bổ sung			Tạm tính	27.272.727	2.727.273	30.000.000	
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 16/2019/TT-BXD)	2,233%		Gxdtt x tỷ lệ %	629.757.400		629.757.000	
V	Chi phí khác				498.878.244	28.763.713	527.643.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình đã triển khai thực hiện			<i>hồ sơ thanh toán</i>	205.563.636	20.556.364	226.120.000	
2	Chi phí bảo hiểm công trình cho hạng mục công trình bổ sung (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	1,030%		Gttxd2 x tỷ lệ %	82.073.490	8.207.349	90.281.000	
3	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng			<i>Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang</i>	4.056.000		4.056.000	
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	0,29%		(TMĐT-chi phí loại trừ) x tỷ lệ%	135.127.736		135.128.000	
5	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC-DT (các hạng mục công trình đã được phê duyệt)			Theo QĐ số 516/QĐ-SNN ngày 20/7/2020	25.563.000		25.563.000	

6	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC hạng mục công trình bổ sung (Thông tư 210/2016/TT- BTC)	0,1055%		Gxdtt x tỷ lệ %	8.406.557		8.407.000	
7	Chi phí thẩm định dự toán xây dựng hạng mục công trình bổ sung (Thông tư 210/2016/TT- BTC)	0,1015%		Gxdtt x tỷ lệ %	8.087.825		8.088.000	
8	Chi phí kiểm tra nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước			Tạm tính	30.000.000		30.000.000	
VI	Chi phí dự phòng						1.404.229.000	Gdp
	Tổng cộng						48.170.493.000	TMDT sau ĐCBS

Bảng chữ: Bốn mươi tám tỷ một trăm bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng./.